**TRUNG TÂM**
**THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA**

# THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH
## Tuần 19 (09/5-13/5/2022)

## CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

### Kinh tế - tài chính thế giới

Morgan Stanley: Dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu 2022 là 2,9%;
Lạm phát ở Mỹ tháng 4 đã chậm lại nhưng niềm tin người tiêu dùng giảm;
Nhật Bản: Nền kinh tế đang được cải thiện; lạm phát chịu áp lực tăng mạnh;
ECB có thể tăng lãi suất vào tháng 7/2022;
Trong tuần, giá dầu thế giới tăng 4%, xăng ở Mỹ tăng lên mức cao lịch sử, giá vàng giảm tuần thứ tư liên tiếp;
DXY tăng 6 tuần liên tiếp, đạt đỉnh 20 năm; OPEC hạ dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới xuống 3,5%.

### Kinh tế - tài chính Việt Nam

Các tổ chức xếp hạng tín nhiệm đánh giá Việt Nam ở triển vọng TÍCH CỰC;
Quỹ bình ổn xăng dầu âm trong quý I/2022;
GDP giai đoạn 2022 – 2023: ở kịch bản cơ sở, sẽ tăng từ 5,5%-6%; ở kịch bản tiêu cực, chỉ tăng trưởng 4,5%-5%; lạm phát của Việt Nam có thể vượt qua ngưỡng 5% trong năm nay;
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 4 tháng đầu năm 2022 ước đạt 5,92 tỷ USD, là giá trị cao nhất trong 4 tháng đầu năm trong giai đoạn 2018-2022;
KBNN đã huy động được 48.372 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu từ đầu năm;
Tuần qua, khối ngoại đã mua ròng hơn 1.750 tỷ đồng.

# A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

## I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

**Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng**

| Kỳ hạn | LS bình quân (%/năm) | %+/- 1W | %+/- M | %+/-Y |
|---|---|---|---|---|
| Qua đêm | 2,07 | 0,44 | 0,70 | 1,34 |
| 1 Tuần | 2,26 | 0,24 | 0,31 | 0,83 |
| 2 Tuần | 2,85 | 0,65 | 0,36 | 0,62 |
| 1 Tháng | 2,88 | 0,31 | 0,40 | 0,65 |
| 3 Tháng | 2,90 | -1,13 | 0,06 | 0,31 |
| 6 Tháng | 3,98 | 0,27 | 0,34 | 0,76 |
| 9 Tháng* | 4,13 | -0,82 | 0,60 | 0,87 |
| *Ghi chú:* | | | | |

*Nguồn: NHNN*

**Bảng 2. Thị trường mở**

| Ngày giao dịch | Kỳ hạn (ngày) | Lãi suất (%) | Khối lượng gói thầu (tỷ đồng) | Số thành viên tham gia/trúng thầu | Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng) | Lãi suất trúng thầu (%/năm) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 9/5/2022 | 14 | 2,5 | 10.000 | 1/1 | 356,26 | 2,5 |
| 10/5/2022 | 14 | 2,5 | 10.000 | 1/1 | 343,18 | 2,5 |
| 11/5/2022 | 14 | 2,5 | 10.000 | 1/1 | 312,05 | 2,5 |
| 12/5/2022 | 14 | 2,5 | 10.000 | 1/1 | 409,44 | 2,5 |
| 13/5/2022 | 14 | 2,5 | 10.000 | 1/1 | 342,02 | 2,5 |
| Tổng cộng | | | 50.000 | | **1762,95** | |

*Nguồn: NHNN*

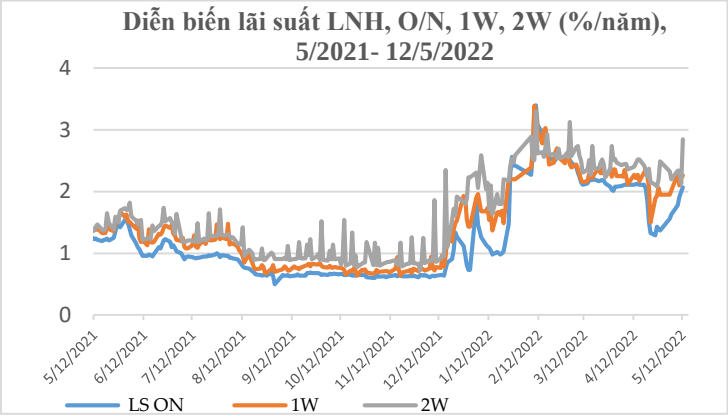
**Bảng 3: Trái phiếu chính phủ**

| **Phát hành TPCP** | | **Lũy kế năm 2022** | | **Tuần 19 (09/05/2022 - 13/05/2022)** | |
|---|---|---|---|---|---|
| Tỷ lệ đăng ký (lần) | | 1,84 | | 1,49 | |
| Tỷ lệ trúng thầu (%) | | 41% | | 32% | |
| **Chi tiết gọi thầu** | | **Giá trị *(tỷ VND)*** | | **Giá trị *(tỷ VND)*** | |
| 1 | 3 Năm | 3.000 | | 1.500 | |
| 2 | 5 Năm | 5.000 | | 500 | |
| 3 | 7 Năm | 3.000 | | | |
| 4 | 10 Năm | 45.300 | | 2.500 | |
| 5 | 15 Năm | 40.200 | | 2.500 | |
| 6 | 20 Năm | 7.500 | | | |
| 7 | 30 Năm | 14.000 | | 500 | |
| | ***Tổng*** | **118.000** | | **7.500** | |
| **Chi tiết đặt thầu** | | **Giá trị *(tỷ VND)*** | **Lãi suất (%)** | **Giá trị *(tỷ VND)*** | **Lãi suất (%)** |
| 1 | 3 Năm | 4.200 | 2,2 - 3,6 | 2.000 | 2,2 - 2,8 |
| 2 | 5 Năm | 6.500 | 1,55 - 3 | 500 | 3 - 3 |
| 3 | 7 Năm | 6.050 | 1,3 - 2,95 | | |
| 4 | 10 Năm | 97.327 | 2,05 - 4,5 | 4.552 | 2,8 - 4,5 |
| 5 | 15 Năm | 76.770 | 2,33 - 4,01 | 3.620 | 2,58 – 4,0 |
| 6 | 20 Năm | 6.835 | 2,73 - 3,5 | | |
| 7 | 30 Năm | 19.460 | 2,94 - 3,6 | 500 | 3,01 - 3,01 |
| | ***Tổng*** | **217.142** | | **11.172** | |
| **Chi tiết trúng thầu** | | **Giá trị *(tỷ VND)*** | **Lãi suất (%)** | **Giá trị *(tỷ VND)*** | **Lãi suất (%)** |
| 1 | 3 Năm | 1.500 | 2,3 - 2,3 | 1.500 | 2,3 - 2,3 |
| 2 | 5 Năm | 100 | 2,39 - 2,39 | 0 | 0 - 0 |
| 3 | 7 Năm | 0 | 0 - 0 | | 0 - 0 |
| 4 | 10 Năm | 20.642 | 2,07 - 2,28 | 0 | 0 - 0 |
| 5 | 15 Năm | 15.320 | 2,35 - 2,58 | 370 | 2,58 - 2,58 |
| 6 | 20 Năm | 2.185 | 2,75 - 2,75 | | |
| 7 | 30 Năm | 8.625 | 2,96 - 3,01 | 500 | 3,01 - 3,01 |
| | ***Tổng*** | **48.372** | | **2.370** | |

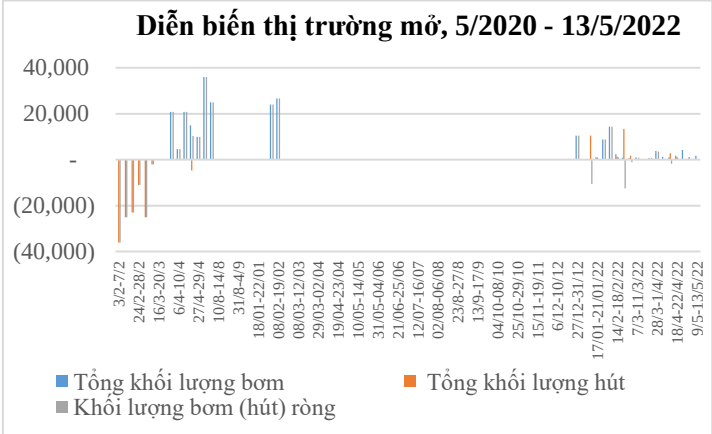
*Nguồn: HNX*

## II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ *(Đồ thị)*

### 1. Thị trường tiền tệ

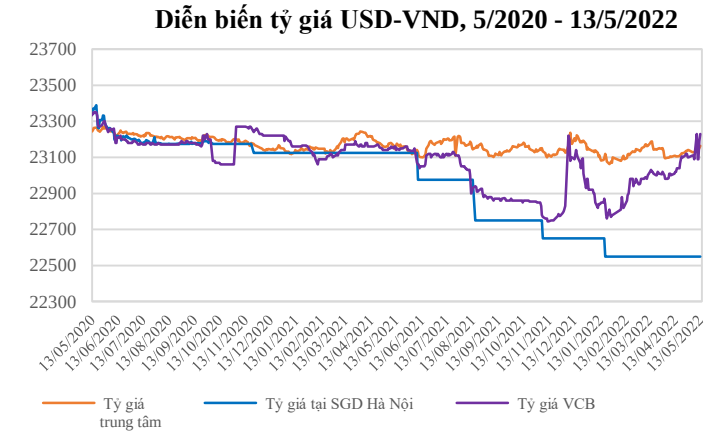



*Nguồn: NHNN*

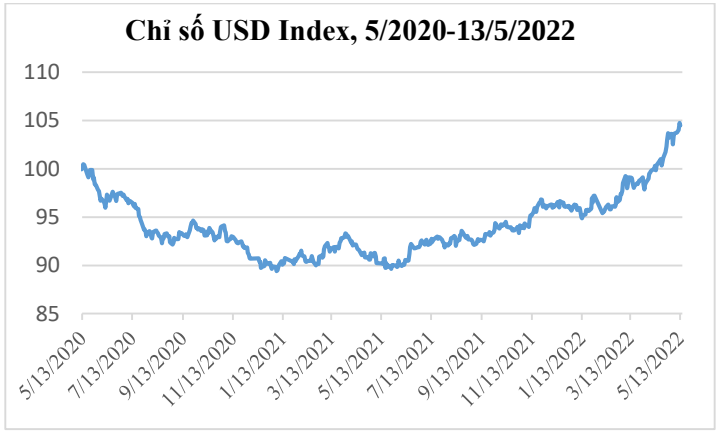



*Nguồn: NHNN*

### Thị trường ngoại hối

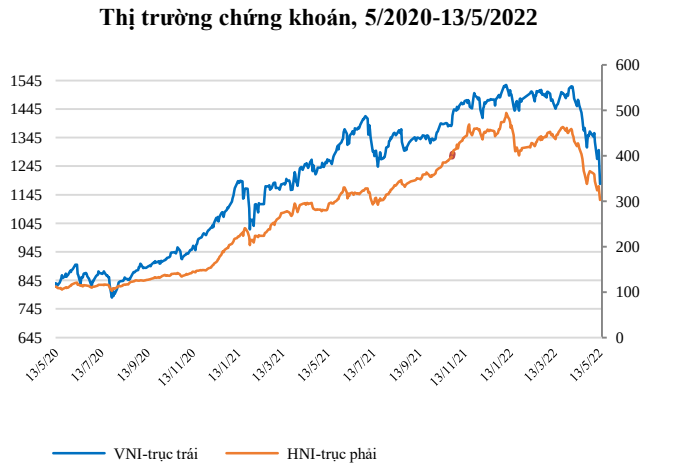



*Nguồn: NHNN*

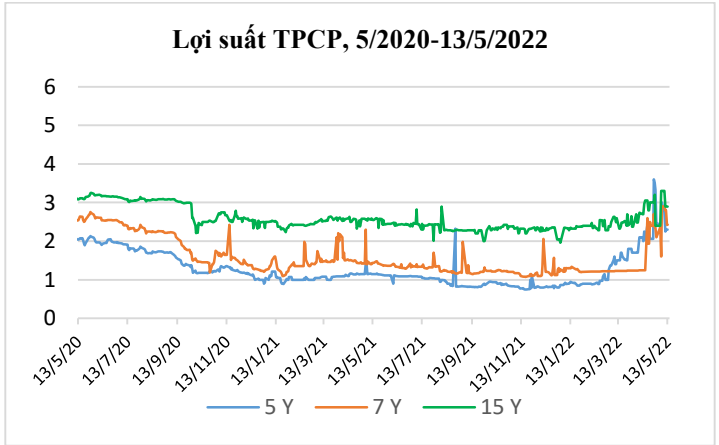



*Nguồn: Trading economics*

### 2. Thị trường vốn




*Nguồn: HNX, HSX*




*Nguồn: HNX*

# III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ QUỐC TẾ TUẦN 19 (09/5-13/5/2022)

## 3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

| NHTW | Quốc gia | Lãi suất hiện áp dụng | Lãi suất trước đó | Thời gian điều chỉnh | Phiên họp chính sách sắp tới |
|---|---|---|---|---|---|
| **FED** | Mỹ | 0.75% | 0.25 % | 04/05/2020 | 15/06/2022 |
| **ECB** | EURO Zone | 0.00% | 0.05 % | 10/03/2016 | 09/06/2022 |
| **BOJ** | Nhật Bản | -0.10% | 0.00 % | 29/01/2016 | 17/06/2022 |
| **PBoC** | Tr/Quốc | 3.70% | 3.850 % | 20/01/2022 | NA |
| **RBA** | Úc | 0.35% | 0.10 % | 03/05/2022 | 07/06/2022 |
| **BoE** | Anh | 1.00% | 0.25 % | 05/05/2022 | 16/06/2022 |
| **BOK** | Hàn Quốc | 1.50% | 1.25 % | 14/04/2022 | 26/05/2022 |
| **BI** | Indonesia | 3.50% | 3.75 % | 18/02/2021 | 19/05/2022 |
| **BNM** | Malaysia | 2.00% | 1.75 % | 11/05/2022 | NA |
| **BOT** | Thái Lan | 0.50% | 0.25% | 30/03/2022 | 18/05/2022 |
| **CBR** | Nga | 14.00% | 17.00% | 29/04/2022 | 10/06/2022 |

## 3.2. Tỷ giá USD

| Cặp tiền tệ chủ chốt | Tỷ giá | +/_% theo tuần | +/_% theo tháng | +/_% YoY |
|---|---|---|---|---|
| **EURUSD** | 1.04120 | -1.26% | -3.74% | -14.27% |
| **GBPUSD** | 1.22589 | -0.63% | -6.18% | -13.00% |
| **AUDUSD** | 0.69390 | -1.87% | -6.32% | -10.81% |
| **USDJPY** | 129.207 | -1.02% | 2.41% | 18.17% |
| **USDCNY** | 6.79748 | 1.20% | 6.40% | 5.56% |
| **USDCAD** | 1.29015 | -0.06% | 2.28% | 6.61% |
| **USDRUB** | 64.0000 | -3.76% | -20.12% | -13.34% |
| **USDKRW** | 1275.11 | 0.40% | 3.65% | 13.26% |
| **DXY** | 104.4817 | 0.79% | 4.15% | 15.68% |
| **USDTHB** | 34.7300 | 1.17% | 3.12% | 10.75% |
| **USDSGD** | 1.39251 | 0.68% | 2.65% | 4.61% |

## 3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

| Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm | Lợi suất | +/_% W | +/_% M | +/_% YoY |
|---|---|---|---|---|
| **United States** | 2.9276 | -0.21% | 0.10% | 1.29% |
| **UK** | 1.7470 | -0.25% | -0.14% | 0.89% |
| **Japan** | 0.2450 | 0.01% | 0.01% | 0.17% |
| **Australia** | 3.3770 | -0.10% | 0.40% | 1.64% |
| **Germany** | 0.9470 | -0.19% | 0.11% | 1.07% |
| **China** | 2.8180 | -0.02% | 0.01% | -0.35% |
| **Hong Kong** | 2.9110 | -0.01% | 0.16% | 1.67% |
| **Indonesia** | 7.3770 | 0.21% | 0.46% | 0.97% |
| **Malaysia** | 4.4450 | 0.00% | 0.39% | 1.28% |
| **Philippines** | 6.4160 | 0.28% | 0.43% | 2.37% |
| **Singapore** | 2.7660 | 0.13% | 0.17% | 1.21% |
| **South Korea** | 3.2160 | -0.22% | -0.01% | 1.06% |
| **Taiwan** | 1.4650 | 0.46% | 0.44% | 1.08% |
| **Thailand** | 3.3200 | -0.04% | 0.53% | 1.59% |
| **Vietnam** | 3.4150 | 0.22% | 0.30% | 1.04% |

## 3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

| Chỉ số chủ chốt | +/-% 1 W | +/-% 1 M | +/-% YTD | +/-% 1Y | +/-% 3 Y |
|---|---|---|---|---|---|
| **Dow Jones** | -2.14% | -6.54% | -11.40% | -6.36% | +25.53% |
| **S&P 500** | -2.41% | -8.39% | -15.57% | -3.59% | +41.14% |
| **Nasdaq** | -2.80% | -11.58% | -24.54% | -12.10% | +50.92% |
| **DAX** | +2.59% | -0.96% | -11.69% | -9.01% | +15.94% |
| **FTSE 100** | +0.41% | -2.60% | +0.46% | +5.32% | +1.66% |
| **CAC 40** | +1.67% | -3.44% | -11.05% | -0.35% | +18.39% |
| **Euro Stoxx 50** | +2.05% | -3.77% | -13.84% | -7.82% | +9.38% |
| **Nikkei 225** | -2.13% | -2.46% | -8.21% | -5.90% | +24.73% |
| **Shanghai** | +2.76% | -3.95% | -15.26% | -11.63% | +4.95% |
| **Hang Seng** | -0.52% | -7.53% | -14.95% | -29.00% | -29.61% |
| **SET** | -2.77% | -5.37% | -4.42% | +2.25% | -2.28% |
| **KOSPI** | -1.52% | -3.41% | -12.54% | -17.41% | +24.44% |
| **IDX** | -8.73% | -8.81% | +0.25% | +11.11% | +10.32% |
| **PSEi** | -5.63% | -8.67% | -10.44% | +1.75% | -15.81% |

## 3.5. Thị trường hàng hóa

| 1. Năng lượng | Giá | +/_% W | +/_% M | +/_% Y |
|---|---|---|---|---|
| **Crude Oil** USD/Bbl | 110.490 | 0.66% | 3.86% | 69.02% |
| **Natural gas** USD/MMBtu | 7.6260 | -5.18% | 2.73% | 157.55% |
| **Gasoline** USD/Gal | 3.9466 | 4.99% | 17.44% | 85.58% |
| **2.Kim loại quý** | | | | |
| **Gold** USD/t.oz | 1811.28 | -3.81% | -8.22% | -1.68% |
| **Silver** USD/t.oz | 21.092 | -5.59% | -17.70% | -23.06% |
| **Lithium** CNY/T | 457500 | 0.00% | -5.18% | 414.04% |
| **Platinum** SD/t.oz | 938.50 | -2.54% | -5.21% | -23.39% |

| 3. Khoáng sản | Giá | +/_% W | +/_% M | +/_% Y |
|---|---|---|---|---|
| **Copper** USD/Lbs | 4.1695 | -2.16% | -11.73% | -10.60% |
| **Steel** CNY/T | 5030.00 | -2.48% | 1.31% | -10.08% |
| **Iron Ore** USD/T | 124.50 | -8.46% | -15.31% | -39.42% |
| **Aluminum** USD/T | 2830.00 | -0.42% | -13.86% | 15.69% |
| **Tin** USD/T | 33757 | -16.65% | -22.08% | 15.73% |
| **Zinc**USD/T | 3540.00 | -6.15% | -19.76% | 20.41% |
| **Nikel** USD/T | 27172 | -9.34% | -18.02% | 55.12% |
| **Coal** USD/T | 393.00 | 3.56% | 25.16% | 296.97% |

*Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics,Investing, 14/5/2022*

## B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

## B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

### I. Kinh tế - thương mại – đầu tư

**Tăng trưởng kinh tế toàn cầu**

**Morgan Stanley: Dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu 2022 là 2,9%**

Morgan Stanley dự kiến tăng trưởng toàn cầu trong năm nay sẽ ở mức 2,9% so với mức tăng 6,2% vào năm 2021.

Sự giảm tốc đang diễn ra trên toàn cầu được thúc đẩy bởi sự kết hợp của các yếu tố như tài khóa suy yếu, thắt chặt chính sách tiền tệ, lực cản liên tục từ diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, gián đoạn chuỗi cung ứng dai dẳng, và gần đây nhất là hậu quả từ xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine.

*Nguồn:Morgan Stanley/Reuters*

**Kinh tế Mỹ: Lạm phát tháng 4 có dấu hiệu chậm lại nhưng niềm tin người tiêu dùng giảm**

Lạm phát tăng chậm lại ở mức 8,3% YoY (vẫn cao hơn so với dự báo thị trường là 8,1%, thấp hơn so với số liệu tháng 3 là 8,5%). Giá năng lượng tăng 30,3%, giá lương thực tăng 9,4%.

Giá tiêu dùng tăng 0,3% MoM (dự báo thị trường là 0,2%, tháng 3 là 1,2%).

Lạm phát lõi tăng 0,6% MoM (tháng 3 là 0,3%, kỳ vọng thị trường là 0,4%), tăng 6,2% YoY (tháng 3 là 6,5%, kỳ vọng thị trường là 6%).

So sánh theo tháng, giá sản xuất chỉ tăng 0,5%, thấp hơn nhiều so với mức tăng 1,6% hồi tháng 3/2022, khớp với kỳ vọng thị trường. Tuy nhiên, so sánh yoy, giá sản xuất đã tăng 11% (tháng 3 là 11,5% và kỳ vọng thị trường là 10,7%). Lạm phát giá sản xuất đang tăng với tốc độ cao nhất trong 40 năm qua và chưa có nhiều dấu hiệu cho thấy giá sản xuất sẽ giảm đáng kể trong ngắn hạn.

**Niềm tin người tiêu dùng Mỹ suy giảm**



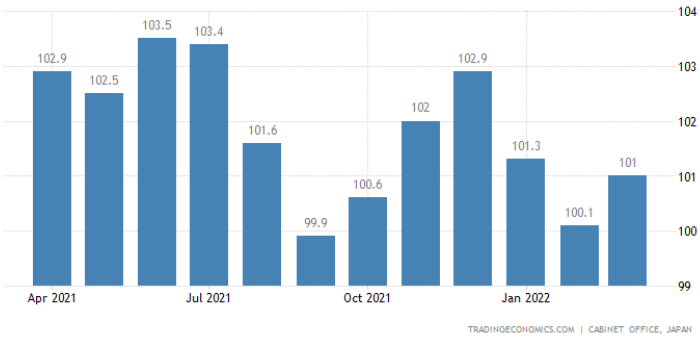

Khảo sát do trường Đại học Michigan thực hiện, cho thấy niềm tin người tiêu dùng Mỹ đến đầu tháng 5/2022 đã suy giảm trên tất cả các yếu tố như nhân khẩu học, vấn đề địa lý và chính trị. Chỉ số Niềm tin người tiêu dùng Mỹ đã giảm xuống mức thấp nhất trong gần 11 năm do lo ngại về lạm phát kéo dài. Chỉ số này đã giảm 9,4% xuống 59,1 vào đầu tháng 5/2022, mức thấp nhất kể từ tháng 8/2011.

Người tiêu dùng lo ngại rằng lạm phát cao và việc Fed tăng lãi suất, bắt đầu từ tháng 3/2022, có thể đột ngột làm chậm tăng trưởng hoặc thậm chí đẩy nền kinh tế vào suy thoái. Nền kinh tế Mỹ đã sụt giảm trong quý I/2022 do tác động của thâm hụt thương mại kỷ lục, song nhu cầu trong nước vẫn ổn định.

*Nguồn: Tradingeconomics*

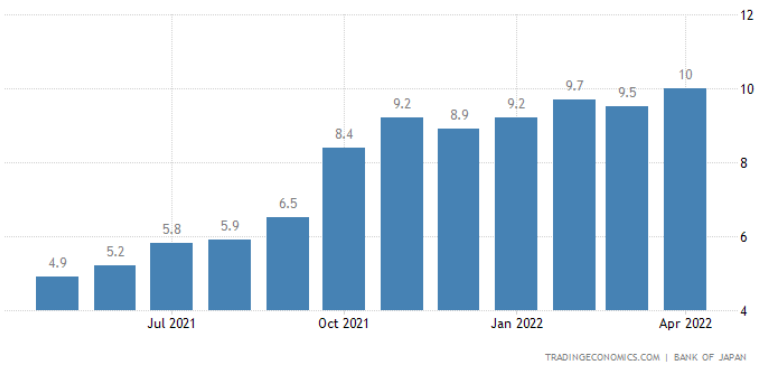
**Nhật Bản: Nền kinh tế đang được cải thiện nhưng chịu áp lực giá tiêu dùng tăng**

Chỉ số kinh tế dẫn báo tháng 3/2022 (được tính toán sử dụng dữ liệu tổng hợp như số việc làm tạo ra, tâm lý tiêu dùng…để dự báo nền kinh tế trong vài tháng tới) đã tăng lên mức 101 điểm, cho thấy nền kinh tế đã có sự cải thiện và đến từ việc chính phủ bãi bỏ tình trạng khẩn cấp cục bộ sau khi những ca nhiễm Covid-19 giảm mạnh và số lượng tiêm chủng vắc xin tăng nhanh.




Tuy nhiên, giá sản xuất tháng 4/2022 đã tăng 10% yoy (1.2% mom), tăng với tốc độ kỷ lục

do chiến sự Ukraine và đồng Yên yếu đã đẩy chi phí năng lượng và nguyên liệu thô lên cao. Chi phí tăng ở tất cả các loại hàng hóa (gỗ tăng 56,4%; sản phẩm dầu và than tăng 31%, sắt thép tăng 30%...).
Giá sản xuất tăng sẽ gây áp lực mạnh lên lạm phát giá tiêu dùng (hiện vẫn dưới mức mục tiêu của NHTW là 2%).




*Nguồn: Tradingeconomics/BOJ*

**Giá hàng hóa thế giới**

**Trong tuần, giá dầu thế giới tăng 4%, xăng ở Mỹ tăng lên mức cao lịch sử, giá vàng giảm tuần thứ tư liên tiếp**

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần giá dầu tăng khoảng 4% khi giá xăng của Mỹ lên mức cao lịch sử, vàng giảm khoảng 1%, cao su thấp nhất 8,5 tuần, đồng, thép tăng.
Xăng Mỹ lên lên mức 4,43 USD/gallon và dầu diesel lên 5,56 USD - mức cao lịch sử sau khi tồn kho giảm trong tuần trước, giảm tuần thứ 6 liên tiếp.
Giá dầu tăng khoảng 4% khi Trung Quốc có vẻ sẵn sàng nới lỏng những hạn chế về đại dịch và các nhà đầu tư lo lắng về nguồn cung sẽ thắt chặt nếu EU cấm dầu của Nga.
Giá vàng giảm khoảng 1% và thiết lập tuần giảm thứ 4 liên tiếp, do USD tăng giá mạnh trước áp lực lãi suất tăng tích cực trong thời gian tới.

**DXY tăng 6 tuần liên tiếp, đạt đỉnh 20 năm; OPEC hạ dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới xuống 3,5%**

Chỉ số USD có 6 tuần tăng liên tiếp, gần mức đỉnh 20 năm. Sự phục hồi trong các thị trường chứng khoán toàn cầu trong bối cảnh thị trường ít lo ngại tài sản rủi ro hơn vào cuối tuần giao dịch cũng là một yếu tố tiêu cực cho vàng.
Trong báo cáo hàng tháng, Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) cho biết nhu cầu dầu mỏ thế giới năm 2022 sẽ tăng 3,36 triệu thùng/ngày so với năm trước, giảm 310.000 thùng/ngày so với dự báo đưa ra trong tháng 4/2022.
OPEC cho biết: "Nhu cầu trong năm 2022 dự kiến cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi những diễn biến liên quan địa chính trị đang xảy ra ở Đông Âu, cũng như những chính sách hạn chế do đại dịch Covid-19". Vấn đề lạm phát đang gia tăng và các ngân hàng trung ương tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ, trong đó đáng chú ý nhất là ngân hàng trung ương Mỹ; đồng thời hạ dự báo tăng trưởng kinh tế năm nay từ 3,9% xuống 3,5%, thêm vào đó là tiềm năng tăng trưởng "khá hạn chế".

*Nguồn: tradingeconomics/bloomberg*

## II. Thị trường tài chính

**NHTW các nước**

**FED: Tránh suy thoái kinh tế khi thắt chặt chính sách là một thách thức**

Ngày 12/5/2022, Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang (Fed) Jerome Powell cảnh báo việc kiểm soát lạm phát có thể gây ra một số khó khăn về kinh tế nhưng vẫn là ưu tiên hàng đầu của Fed và một thị trường lao động thắt chặt đang đẩy tiền lương lên, việc tránh một cuộc suy thoái thường xảy ra sau khi thắt chặt chính sách nhanh chóng sẽ là một thách thức với Fed.

Fed tăng lãi suất để kìm hãm mức tăng giá đang ở gần tốc độ nhanh nhất trong hơn 40 năm qua nhằm hướng cho nền kinh tế hạ cánh mềm (lạm phát quay trở lại mức 2% trong khi vẫn giữ cho thị trường lao động vững mạnh). Việc đạt được mục tiêu này là khá khó khăn.

*Nguồn: Bloomberg*

**ECB: Có thể nâng lãi suất vào tháng 7/2022**

Ngày 11/5/2022, Chủ tịch NHTW châu Âu, bà Christine Lagarde phát biểu rằng ECB có thể nâng lãi suất vào tháng 7 tới, trong bối cảnh lạm phát tại Khu vực sử dụng đồng euro (Eurozone) đang tăng mạnh.

Đây là tín hiệu rõ ràng nhất từ bà Lagarde, cho thấy ECB sẵn sàng hành động sớm trong vấn đề lãi suất, khi ngân hàng này đã chậm hơn Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) và nhiều ngân hàng trung ương lớn khác trong việc thực hiện các biện pháp để kiềm chế lạm phát.
Lần họp tiếp theo của các nhà hoạch định chính sách của ECB sẽ diễn ra vào ngày 9/6 và 21/7 để quyết định phương

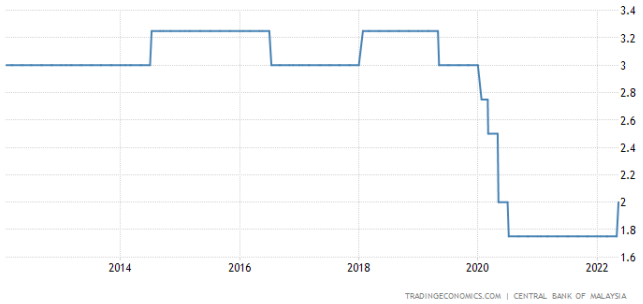
Bà Lagarde cho rằng ECB nên kết thúc chương trình mua trái phiếu "vào đầu quý 3" và có thể nâng lãi suất "chỉ vài tuần" sau đó.

**NHTW Malaysia: bất ngờ tăng lãi suất**

Ngày 11/5/2022, NHTW Malaysia (BNM) tăng lãi suất chủ chốt cho vay qua đêm 25 điểm phần trăm lên 2% sau một thời gian dài từ tháng 7/2020 duy trì ở mức thấp kỷ lục 1,75%. BNM cho rằng tác động của đại dịch Covid-19 đến nền kinh tế Malaysia đã không còn và tăng trưởng kinh tế đã đạt mức chắc chắn hơn nhờ được hỗ trợ bởi cầu trong nước mạnh hơn và xuất khẩu ổn định, thị trường lao động đã trở nên chặt chẽ hơn, gia tăng thu nhập. Tuy nhiên, những rủi ro liên quan tới đại dịch, chiến tranh Ukraine, các vấn đề chuỗi cung ứng gián đoạn kéo dài vẫn còn.

hướng hành động tiếp theo. Lần nâng lãi suất tới đây, nếu có, sẽ là lần đầu tiên của ECB trong hơn 10 năm qua và sẽ tăng lãi suất khỏi các mức thấp lịch sử hiện tại.

*Nguồn: ecb/reuters*




BNM nhận định lạm phát bình quân năm nay vào khoảng 2,2%-3,2% và áp lực lên giá được hạn chế bởi các biện pháp kiểm soát giá cả và tiềm năng tăng trưởng của nền kinh tế Malaysia. Việc điều chỉnh lãi suất thêm nữa sẽ được thực hiện cẩn trọng.

GDP quý I/2022 của Malaysia tăng 5%, cao hơn dự báo 4% và 3,6% tốc độ tăng trưởng của quý trước đó.

*Nguồn: Tradingeconomics*

## B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

### I. KINH TẾ VĨ MÔ

**Các tổ chức xếp hạng tín nhiệm (XHTN) đánh giá Việt Nam ở triển vọng TÍCH CỰC.**

S&P và Fitch đánh giá Việt Nam đạt mức BB (theo Fitch và S&P) và Moody's là mức Ba3.

Việt Nam hiện vẫn có mức XHTN tích cực từ các tổ chức xếp hạng. Có được điều này là nhờ những thành quả Việt Nam đạt được trong công tác đối phó với dịch bệnh. Dựa trên nền tảng vững chắc này, đây là thời điểm thích hợp để thực hiện bước nhảy vọt một mô hình tín dụng mới.

Tại Hội nghị phổ biến "Đề án Cải thiện xếp hạng tín nhiệm quốc gia tới năm 2030" do Bộ Tài chính phối hợp cùng Ngân hàng Phát triển Châu Á và các ngân hàng tư vấn, hỗ trợ cho Việt Nam về công tác xếp hạng tín nhiệm (XHTN) quốc gia được tổ chức ngày 13/5/2022 tại Quảng Ninh, Bà Michele Wee, Tổng Giám đốc ngân hàng Standard Chartered Việt Nam đánh giá, XHTN là cánh cửa đầu tiên mà các nhà đầu tư quan tâm khi đánh giá về một quốc gia, từ các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài cho đến các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính.

XHTN cũng là một công cụ hỗ trợ cho nền kinh tế, cung cấp tiêu chí đánh giá cho các doanh nghiệp quốc doanh và các ngân hàng trong nước tiếp cận với thị trường tài chính và tăng cường tính minh bạch.

*Nguồn: chinhphu.vn*

**Diễn đàn Dự báo Kinh tế Việt Nam 2022 - 2023: Kịch bản tăng trưởng và triển vọng một số ngành kinh tế chính**

*Về tăng trưởng kinh tế*: 2 kịch bản cho tăng trưởng GDP năm 2022-2023: ở kịch bản cơ sở, GDP Việt Nam sẽ tăng từ 5,5%-6% trong giai đoạn này, ở kịch bản tiêu cực, GDP năm 2022 - 2023 chỉ tăng trưởng 4,5%-5%. Các biến số trong 2 kịch bản trên sẽ phụ thuộc vào mức độ thực hiện Chương trình phòng, chống dịch; Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội 2022-2023; và khả năng Việt Nam giảm

*Về tình hình kinh tế xã hội 4 tháng đầu năm*:

Trong quý I/2022, Chỉ số Môi trường kinh doanh của Việt Nam tăng lên 73 điểm phần trăm, tăng 12 điểm phần trăm so với quý IV/2021, là mức cao nhất kể từ sau đợt dịch bùng phát lần thứ 4. Số doanh nghiệp thành lập mới trong 4 tháng đầu năm 2022 đạt 49.591 doanh nghiệp, là mức cao nhất trong giai đoạn 4 tháng đầu năm từ trước đến nay tại Việt Nam. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 4 tháng đầu năm 2022 ước đạt 5,92 tỷ USD, là giá trị cao nhất trong 4 tháng đầu năm trong các năm 2018-2022, tạo động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế năm 2022. (*Thứ trưởng Trần Quốc Phương (Bộ KHĐT*)

*Về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế:*

thiểu tác động từ chiến sự Nga – Ukraina *(Chuyên gia Kinh tế Cấn Văn Lực).*

*Về lạm phát*: Đặt trong bối cảnh năm 2022 lạm phát vẫn ở mức cao so với lạm phát mục tiêu của các nền kinh tế là đối tác quan trọng của kinh tế Việt Nam, với độ trễ của gói phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam, lạm phát của Việt Nam có thể vượt qua ngưỡng 5% trong năm nay (*Nguyên Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Bích Lâm*).

Tính chung trên bình diện quốc tế, quy mô các giải pháp hỗ trợ tài khóa và tiền tệ chống đỡ đại dịch Covid-19 ở các nước phát triển lần lượt khoảng 10,9% GDP và 8,6% GDP; các nước mới nổi là 4,3% GDP và 3,4% GDP; các nước thu nhập thấp (trong đó có Việt Nam) là 3,2% GDP và 0,7% GDP. Một số nước xung quanh cũng đã ban hành hỗ trợ tương tự với quy mô khác nhau: Thái Lan tương đương 15% GDP, Malaysia 8,8% GDP, Indonesia 5,4% GDP, Trung quốc 6,1% GDP… So sánh quốc tế và khu vực, thì Chương trình của nước ta có quy mô tương đối lớn, phù hợp tình hình - hoàn cảnh trong nước với yêu cầu kiểm soát rủi ro vĩ mô.

Trong bối cảnh mới, để thực hiện thành công Chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế của Chính phủ, nhất thiết phải đáp ứng được 3 yêu cầu chính. Thứ nhất, phải khẩn trương, kịp thời hiện thực hóa các hỗ trợ đến tay người dân và doanh nghiệp. Thứ hai, hiệu quả, khả năng hấp thụ, tránh dàn trải, lãng phí nguồn lực là những yêu cầu quan trọng để giúp đạt mục tiêu phục hồi, phát triển nhanh sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng. Thứ ba, công khai, minh bạch vừa là giải pháp vừa là yêu cầu để nâng cao hiệu lực, hiệu quả và hoàn thành mục tiêu Chương trình. (*Ông Phan Đức Hiếu, Ủy ban Kinh tế, Quốc hội)*

*Nguồn: Diễn đàn Dự báo Kinh tế Việt Nam 2022 - 2023*

**Quỹ bình ổn xăng dầu âm trong quý I/2022.**

Số dư Quỹ bình ổn giá xăng dầu đến hết ngày 31/3 đang âm 169,920 tỷ đồng.

Tính từ ngày 1/1 đến hết ngày 31/3, tổng số trích Quỹ bình ổn giá là 601,780 tỷ đồng, tổng số sử dụng Quỹ bình ổn giá là 1.671,421 tỷ đồng. Trong bối cảnh giá xăng dầu thế giới liên tục duy trì ở mức cao, Quỹ bình ổn giá đã thể hiện được vai trò điều tiết, hạ nhiệt giá xăng dầu trong nước, góp phần bảo vệ lợi ích cho người tiêu dùng.

Tình hình như hiện nay, trong lần điều chỉnh ngày 11/05, giá các loại xăng E5RON92 và RON95-III đều tăng trên 1.400 đồng/lít, qua đó đẩy giá xăng lên 28.950 đồng/lít với E5 RON92 và 29.980 đồng/lít với RON95. Giá dầu hỏa tăng 1.340 đồng/lít, giá dầu mazut 180CST 3.5S vẫn giữ nguyên.

Để đối phó với các khó khăn trước mắt, các cơ quan ban ngành đã có những chế tài kịp thời để đảm bảo nguồn cung xăng dầu, nhằm hạn chế thiếu hụt nhiên liệu.

*Nguồn: Bộ Tài chính*

## II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

### 2.1. Thị trường tiền tệ

**Thị trường tiền tệ trong tuần từ 9/5-13/5/2022, thị trường diễn ra ổn định, thanh khoản thị trường thông suốt.**

- Lãi suất VND LNH tiếp tục tăng ở tất cả các kỳ hạn.
- Thị trường mở trong tuần 19 tiếp tục ghi nhận trúng thầu cao, tăng 1,58 lần so với tuần trước.

- Lãi suất VND LNH tiếp tục biến động tăng ở tất cả các kỳ hạn qua cả 5 phiên. Chốt ngày 13/05, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 1,90% (+0,25 đpt so với phiên cuối tuần trước đó); 1W 2,08% (+0,08 đpt); 2W 2,17 (+0,04 đpt); 1M 2,28% (+0,07 đpt).
- Trên thị trường mở tuần từ 09-13/05, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng/phiên trên kênh cầm cố ở cả 5 phiên, đều với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Có 1.762,95 tỷ đồng trúng thầu. Trong tuần có 4.303,15 tỷ đồng đáo hạn

*Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp*

### 2.2. Thị trường ngoại hối

**- Diễn biến thị trường ngoại tệ và tỷ giá USD/VND trong tuần 19 diễn ra ổn định so**

- Trong tuần từ 09/05 - 13/05, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng qua hầu hết các phiên. Phiên cuối tuần 13/05,

**với tuần trước. Không ghi nhận biến động bất thường.**

- Chỉ số USD Index trong tuần 19 tiếp tục duy trì đà tăng. Chốt phiên ngày cuối tuần, chỉ số USD đạt 104,465 điểm, tăng 0,807 điểm so với tuần trước.

tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 23.163 VND/USD, tăng mạnh 33 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

Tỷ giá mua giao ngay được NHNN giữ nguyên niêm yết ở mức 22.550 đồng. Tỷ giá bán kỳ hạn 3 tháng được duy trì niêm yết ở mức 23.050 VND/USD trong 2 phiên đầu tuần, sau đó tăng 200 đồng lên mức 23.250 VND/USD ở các phiên còn lại.

- Tỷ giá niêm yết của SBV chốt phiên cuối tuần ở mức 23.230 VND/USD, giảm 140 đồng so với cuối phiên tuần trước và tăng 40 đồng so với ngày hôm trước.

*Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp*

### 2.3. Thị trường trái phiếu

**Thị trường sơ cấp:**

**Tuần 19 (09/05/2022 - 13/05/2022)**

Giá trị đấu thầu thành công là **2.370/ 8.000** tỷ đồng, trúng tương ứng với tỷ lệ là 32%. Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng là : 3 năm (lãi suất 2,3%) ;15 năm (lãi suất 2,58%); 30 năm (lãi suất 3,01%).

**Lũy kế từ đầu năm 2022, KBNN đã huy động được 48.372 tỷ đồng qua đấu thầu.**

**Trên thị trường thứ cấp:**

Tuần 19 (09/05/2022 - 13/05/2022).

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt mức 9.667 tỷ đồng/ phiên , tăng nhẹ 3%.

Lợi suất TPCP biến động tăng mạnh nhẹ ở các kỳ hạn có phát sinh.

*Nguồn: HNX; HSX; NHNN*

### 2.4. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán: Tuần qua các chỉ số chính của thị trường có mức giảm mạnh hơn so với tuần trước liền kề, với thanh khoản bình quân tăng nhẹ và ở mức hơn 19,2 nghìn tỷ đồng/phiên.

***VN-Index*** chốt phiên cuối tuần là 1182,77 điểm ( -146,49 điểm; -11%) và ***HNXIndex*** đóng cửa ở mức 302,39 điểm (-41,07 điểm ; -12 % so với tuần giao dịch trước);

Khối ngoại đã mua ròng hơn 1.750 tỷ đồng trong tuần.

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu[1]/GDP[2] tại ngày 13/5/2022 giảm so với tuần trước và còn ở mức là 74,8%. Với mức này thì giảm 14 điểm % so với đầu năm 2021 và giảm 4,34 % so với cuối năm 2020.

1. *Vốn hóa cả 3 sàn ngày cuối tuần.*
2. *GDP TCTK công bố 4 quý gần nhất.*

*Nguồn: HSX,HNX, GSO, TTTT tổng hợp*

# PHỤ LỤC
# MỘT SỐ VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

## I. VĂN BẢN BAN HÀNH

| Cơ quan | Văn bản | Ngày ban hành | Ngày hiệu lực | Nguồn |
|---|---|---|---|---|
| | **1. Chính phủ, bộ ngành** | | | |
| CP | Nghị quyết 68/NQ-CP của Chính phủ về việc tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và huy động nguồn lực của doanh nghiệp Nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty trong phát triển kinh tế - xã hội | 12/05/2022 | 12/05/2022 | https://luatvietnam.vn/van-ban-moi.html |
| TTCP | Quyết định số 583/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc giao dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm 2022 | 13/05/2022 | 13/05/2022 | https://vanban.chinhphu.vn |
| | **2. Ngân hàng** | | | |
| | **3. Tài chính** | | | |
| BTC | Thông tư 27/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc bãi bỏ Quyết định 59/2007/QĐ-BTC ngày 11/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã | 11/5/2022 | 1/7/2022 | https://luatvietnam.vn/co-cau-to-chuc/thong-tu-27-2022-tt-btc-220956-d1.html |

## II. VĂN BẢN ĐANG DỰ THẢO

| Cơ quan | Văn bản | Ngày bắt đầu xin ý kiến | Ngày hết hạn xin ý kiến | Nguồn |
|---|---|---|---|---|
| | **1. Chính phủ, bộ ngành** | | | |
| | **2. Ngân hàng** | | | |
| NHNN | Dự thảo Thông tư quy định về điều kiện vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh | 11/05/2022 | | https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/fm/ddnhnn/lykdtvbqppl?_afrLoop=54365805069026224#%2540%253F |
| | **3. Tài chính** | | | |
| BTC | Dự thảo Thông tư quy định danh mục các lĩnh vực và thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi chức vụ trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính | 10/05/2022 | | https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/cd/du-thao-van-ban |
| BTC | Dự thảo Thông tư quy định nội dung, mức chi và cơ chế khoán chi thực hiện các nhiệm vụ Khoa học và công nghệ có sử dụng Ngân sách nhà nước | 10/05/2022 | | |

**TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA**